

Bản án số: 24/2022/HS-ST
Ngày: 30/9/2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC SƠN - TỈNH QUẢNG NAM**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Pơ Loong Đếch

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Vũ Đình Cuối

+ Ông Ngô Thắng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Đờ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 20/2022/TLST-HS ngày 6/9/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2022/QĐXXST-HS ngày 15/9/2022 đối với các bị cáo:

NGUYỄN QUỐC TR; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 8/8/1958; tại: Nông Cống, Thanh Hóa; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: Tổ 19, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH MTV Tuấn Zin; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Vận (chết) và bà Nguyễn Thị Tiềm (chết); vợ Đinh Thị Tuyết (1964), có 02 người con, nhỏ nhất sinh năm 1993. Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; *có mặt.*

DƯƠNG VĂN N; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 10/11/1973; tại: Đại Lộc, Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn Mỹ Tân, xã Đại Phong, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn Khúc (1942) và bà Nguyễn Thị Ba (1942); vợ Lê Thị Thúy Nga (1977), có 03 người con, con nhỏ nhất sinh năm 2013. Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; *có mặt.*

*** Nguyên đơn dân sự:** Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Phước Sơn; địa chỉ trụ sở: Thôn Lao Mưng, xã Phước Xuân, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 29/9/2022): Ông Phan Lưu, Chức vụ: Đội trưởng đội bảo vệ rừng cơ động Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Phước Sơn; *có mặt*.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

-Ông A Lăng Ng; trú tại: Tổ dân phố số 5, thị trấn Khâm Đức, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam; *có mặt*.

-Nguyễn Tấn B; trú tại: Thôn 3, xã Phước Chánh, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam; *có mặt*.

-Bà Trần Thị Tích Đ; trú tại: Khối phố Hương Chánh, phường Hòa Hương, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam; *có mặt*.

-Ông Trần Trọng V; trú tại: Khối phố Hương Chánh, phường Hòa Hương, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam; *vắng mặt*.

-Ông Hồ Văn Ng; trú tại: Thôn 2, xã Phước Chánh, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam; *vắng mặt*.

-Ông Lê D; trú tại: Thôn Mỹ Tân, xã Đại Phong, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam; *vắng mặt*.

-Bà Hồ Thị K; trú tại: Thôn 5, xã Phước Chánh, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam; *vắng mặt*.

-Bà Hồ Thị L; trú tại: Thôn 5, xã Phước Chánh, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam; *vắng mặt*.

-Ông Hồ Văn Đ; trú tại: Thôn 5, xã Phước Chánh, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam; *vắng mặt*.

-Ông Hồ Văn H; trú tại: Thôn 5, xã Phước Chánh, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam; *vắng mặt*.

-Bà Hồ Thị V; trú tại: Thôn 5, xã Phước Chánh, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam; *vắng mặt*.

-Ông Hồ Văn L; trú tại: Thôn 5, xã Phước Chánh, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam; *vắng mặt*.

-Bà Hồ Thị Í; trú tại: Thôn 5, xã Phước Chánh, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam; *vắng mặt*.

-Bà Hồ Thị M; trú tại: Thôn 5, xã Phước Chánh, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam; *vắng mặt*.

-Bà Hồ Thị D; trú tại: Thôn 5, xã Phước Chánh, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam; *vắng mặt*.

-Ông Hồ Văn Ch; trú tại: Thôn 2, xã Phước Chánh, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam; *vắng mặt*.

-Ông Hồ Văn Ch; trú tại: Thôn 2, xã Phước Chánh, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam; *vắng mặt*.

-Ông A Đ; trú tại: Thôn 2, xã Phước Chánh, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam; *vắng mặt*.

-Bà Hồ Thị H; trú tại: Thôn 2, xã Phước Chánh, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam; *vắng mặt*.

-Bà Hồ Thị Ch; trú tại: Thôn 1, xã Phước Kim, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam; *có mặt*.

-Bà Hồ Thị B; trú tại: Thôn 1, xã Phước Kim, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam; *có mặt*.

-Ông Hồ Văn B; trú tại: Thôn 1, xã Phước Kim, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam; *có mặt*.

-Bà Hồ Thị M; trú tại: Thôn 1 Nước Kiết, xã Phước Kim, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam; *có mặt*.

-Bà Hồ Thị H; trú tại: Thôn 1, xã Phước Kim, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam; *có mặt*.

-Ông Hồ Văn Th; trú tại: Thôn 1, xã Phước Kim, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam; *có mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại Quyết định số 186/QĐ-UBND, ngày 19/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật trồng rừng thay do Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Phước Sơn thực hiện tại khoảnh 3, 4, 5 tiểu khu 689 thuộc xã Phước Kim, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam. Ngày 16/3/2021, Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Phước Sơn (gọi tắt là chủ đầu tư) ký hợp đồng số 01/2021/HĐ-XD với Công ty TNHH MTV Tuấn Zin do ông NGUYỄN QUỐC TR làm giám đốc (gọi tắt là đơn vị thi công) nhận thi công trồng rừng thay thế với diện tích 20ha. Ngày 16/3/2021, Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Phước Sơn ký hợp đồng số 02/2021/HĐ-TVGS với Công ty TNHH TM&DV Đức Chính do bà Trần Thị Tích Đ làm giám đốc (gọi tắt là đơn vị tư vấn giám sát) thực hiện việc tư vấn giám sát trồng rừng thay thế. Ngày 18/3/2021, chủ đầu tư, đơn vị thi công và đơn vị tư vấn giám sát

tiến hành bàn giao mặt bằng diện tích trồng rừng thay thế đã được phê duyệt là 20ha và đơn vị thi công bắt đầu giai đoạn xử lý thực bì (phát dọn) để trồng rừng thay thế.

Theo hồ sơ thiết kế kỹ thuật đã được phê duyệt trong dự án thì phương pháp xử lý thực bì là phát theo băng, băng chặt 5m, băng chừa 1m; băng chặt được bố trí song song với đường đồng mức, trên băng chặt phát dọn sạch thực bì, chiều cao gốc chặt dưới 10cm, chừa lại toàn bộ cây gỗ tái sinh có tiêu chí phòng hộ lâu dài trên lô thiết kế trồng rừng. Quá trình xử lý thực bì ông NGUYỄN QUỐC TR đã giao cho ông DUỖNG VĂN N làm chỉ huy trưởng công trình thuê nhân công lao động đồng thời chỉ đạo ông DUỖNG VĂN N cho nhân công phát thực bì theo phương pháp phát trắng, chỉ chừa lại những cây có mục đích tái sinh. Chỉ đạo phát đến đâu thì làm ranh cản lửa đến đó để khi đốt đảm bảo an toàn phòng cháy rừng. Đến ngày 8 và ngày 9/5/2021, ông DUỖNG VĂN N cùng nhân công đốt diện tích rừng đã phát thực bì, do quá trình đốt ông DUỖNG VĂN N không thực hiện đúng các biện pháp đảm bảo an toàn phòng cháy rừng nên đã cháy lan ra ngoài diện tích rừng được phê duyệt.

Theo biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 28/5/2021 xác định: Tổng diện tích rừng phòng hộ bị cháy $164.500m^2$, trong đó nằm trong thiết kế $133.900m^2$; nằm ngoài thiết kế $30.600m^2$ (trong đó $30.000m^2$ là rừng phòng hộ, $600m^2$ là rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp). Tổng thiệt hại lâm sản 2.465 cây có khối lượng $245,575m^3$ gỗ tròn các loại (trong đó cây bị chặt hạ 557 cây có khối lượng $17,466m^3$ gỗ tròn các loại; số cây trong khu vực trồng rừng thay thế 419 cây có khối lượng $12,646m^3$ gỗ tròn, nằm ngoài khu vực trồng rừng thay thế 357 cây có khối lượng $60,983m^3$ gỗ tròn; số cây bị cháy chết 1.908 cây có khối lượng $228,109m^3$ gỗ tròn các loại, trong khu vực trồng rừng thay thế 1.551 cây có khối lượng $167,126m^3$, nằm ngoài khu vực trồng rừng thay thế 357 cây có khối lượng $60,983m^3$).

Với hành vi chỉ đạo phát, đốt diện tích 20ha không đúng theo thiết kế đã được phê duyệt trong dự án của ông NGUYỄN QUỐC TR đã gây thiệt hại $52.316m^2$ rừng phòng hộ (trong đó có $9.770m^2$ bị cháy lan ra ngoài diện tích thiết kế) và thiệt hại về lâm sản 2.465 cây, có khối lượng $245,575m^3$ gỗ tròn các loại. Đối với ông DUỖNG VĂN N cho nhân công phát trắng diện tích rừng được giao theo dự án, đốt thực bì là làm theo sự chỉ đạo của ông NGUYỄN QUỐC TR nên ông DUỖNG VĂN N không phải chịu trách nhiệm hình sự đối với diện tích rừng bị cháy và lâm sản bị thiệt hại nằm trong thiết kế được phê duyệt. Nhưng ông DUỖNG VĂN N phải chịu trách nhiệm đối với diện tích rừng bị cháy lan ngoài thiết kế được phê duyệt $9.770m^2$ và 89 cây gỗ bị chết cháy có khối lượng $8,815m^3$ gỗ tròn các loại. Vì quá trình đốt thực bì ông DUỖNG VĂN N không thực hiện đúng các biện pháp đảm bảo an toàn phòng cháy rừng.

Tại kết luận định giá tài sản số 02/KL-ĐG ngày 01/03/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam kết luận: Giá trị

thiệt hại khối lượng 245,575m³ gỗ tròn là 479.026.000 đồng; thiệt hại về môi trường 958.052.000 đồng.

Tại cáo trạng số 18/CT-VKSPS-HS, ngày 5/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam truy tố bị cáo NGUYỄN QUỐC TR về tội “Hủy hoại rừng” theo điểm c khoản 3 Điều 243 Bộ luật hình sự và truy tố bị cáo DUƠNG VĂN N về tội “Hủy hoại rừng” theo điểm e khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khai nhận:

Bị cáo NGUYỄN QUỐC TR khai nhận: Ngày 16/3/2021, bị cáo ký hợp đồng số 01/2021/HĐ-XD với Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Phước Sơn để trồng rừng thay thế, địa điểm tại khoảnh 3, 4, 5 tiểu khu 689 thuộc xã Phước Kim, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam. Ngày 18/3/2021, tiến hành nhận bàn giao mặt bằng trồng rừng thay thế với diện tích 20ha và phân công ông DUƠNG VĂN N làm chỉ huy trưởng làm nhiệm vụ thuê nhân công, theo dõi, giám sát, đôn đốc nhân công phát dọn thực bì. Chỉ đạo ông DUƠNG VĂN N cho nhân công phát trắng và đốt để trồng cây và phải làm ranh cản lửa để đảm bảo phòng cháy rừng. Theo phương án phê duyệt thì phát theo băng, băng chặt 5m, băng chừa 1m, không được phát trắng và đốt; trước khi chỉ đạo ông Năm đốt thì có đi kiểm tra nhưng không hết diện tích. Ông DUƠNG VĂN N tiến hành đốt diện tích đã phát thực bì nhưng quá trình đốt đã cháy lan ra ngoài diện tích được phê duyệt. Công ty TNHH MTV Tuấn Zin là do bị cáo thành lập và làm giám đốc, khi ký hợp đồng trồng rừng thay thế với Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Phước Sơn là nhằm mục đích phục vụ cho cá nhân. Đơn vị chủ đầu tư và đơn vị tư vấn giám sát không có chỉ đạo phát trắng và đốt, khi chỉ đạo ông Năm đốt diện tích đã phát thì bị cáo không có báo cáo cho chủ đầu tư và đơn vị tư vấn giám sát biết mà bị cáo tự chỉ đạo ông Năm. Diện tích được giao trồng rừng thay thế 20ha chủ yếu là dây leo, bụi rậm, không có cây gỗ lớn, do chủ quan nên dẫn đến hậu quả cháy rừng. Trong quá trình điều tra, truy tố không bị đánh đập, không bị ép cung, bị cáo không nhận tội thay cho ai, hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật.

Bị cáo DUƠNG VĂN N khai nhận: Bị cáo là nhân viên hợp đồng của Công ty Tuấn Zin do ông NGUYỄN QUỐC TR làm giám đốc. Trong tháng 3/2021, anh Trưởng chỉ đạo bị cáo vào tiểu khu 689 thuộc xã Phước Kim, huyện Phước Sơn thuê nhân công để phát dọn thực bì diện tích 20ha để trồng rừng thay thế đã được phê duyệt và chỉ đạo phát trắng diện tích được giao và phải làm ranh giới để sau này đốt không cháy lan. Sau khi phát xong thực bì thì anh Trưởng chỉ đạo bị cáo thuê mấy người dân cùng với bị cáo tiến hành đốt, quá trình đốt thì cháy lan ra ngoài diện tích đã được phê duyệt. Quá trình phát thì có làm ranh giới cản lửa tuy nhiên không đảm bảo phòng cháy, trước khi đốt bị cáo nhận thức được là có khả năng cháy lan nhưng do chủ quan nên không kiểm tra kỹ ranh giới cản lửa có đảm bảo an toàn không nên dẫn đến hậu quả là cháy lan ngoài diện tích đã được phê duyệt. Trong quá trình điều tra, truy tố không bị đánh đập, không bị ép cung, bị cáo không nhận tội thay cho ai, hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật.

Ông A Lăng Ng khai nhận: Đơn vị có ký hợp đồng trồng rừng thay thế theo phương án đã được phê duyệt với diện tích 20ha với ông NGUYỄN QUỐC TR là giám đốc Công ty Tuấn Zin và ký hợp đồng với đơn vị tư vấn giám sát là Công ty TNHH TM&DV Đức Chính do bà Trần Thị Tích Đ làm giám đốc và các bên tiến hành bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công. Ban có thành lập tổ theo dõi nhưng chưa phân công nhiệm vụ cụ thể mà chỉ phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong các cuộc họp Chi bộ, đơn vị cùng với đơn vị tư vấn giám sát theo dõi đơn vị thi công. Theo quy định thì phát băng, băng chặt 5m, băng chừa 1m; không được phát trắng và đốt; việc ông Trưởng chỉ đạo ông Năm cho nhân công phát trắng và đốt diện tích đã phát thì chủ đầu tư hoàn toàn không biết, trước khi đốt ông Trưởng cũng không báo cáo.

Bà Trần Thị Tích Đ khai nhận: Tôi có ký hợp đồng với Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Phước Sơn về tư vấn giám sát trồng rừng thay thế với diện tích 20ha và phân công ông Trần Trọng V giám sát đơn vị thi công trồng rừng. Việc ông Trưởng cho phát trắng và đốt diện tích được phê duyệt thì đơn vị tư vấn giám sát hoàn toàn không biết, sau khi sự việc xảy ra thì tôi mới biết.

Ông Nguyễn Tấn B khai: Sau khi Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Phước Sơn ký hợp đồng với Công ty Tuấn Zin do ông NGUYỄN QUỐC TR làm giám đốc là đơn vị thi công trồng rừng thay thế và Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Phước Sơn tiếp tục ký hợp đồng với đơn vị tư vấn giám sát là Công ty Đức Chính do bà Trần Thị Tích Đ làm giám đốc để giám sát đơn vị thi công và tiến hành bàn giao mặt bằng. Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Phước Sơn có thành lập tổ nhưng chưa phân công nhiệm vụ cho từng người, nhưng trong các cuộc họp chi bộ, đơn vị thì lãnh đạo Ban quản lý rừng có phân công, đôn đốc cán bộ theo dõi cùng với đơn vị tư vấn giám sát.

Những người phát thuê gồm: Bà Hồ Thị H, Hồ Thị Ch, Hồ Thị B, Hồ Văn B, Hồ Thị M, Hồ Văn Th đều khai nhận là trong tháng 3/2021 có tham gia phát dây leo, bụi rậm tại khu vực rừng xã Phước Kim, huyện Phước Sơn do bị cáo DUƠNG VĂN N thuê, mỗi ngày trả tiền công 230.000 đồng. Chỉ biết đi làm thuê lấy tiền công và biết khu vực phát thuê là để trồng cây được Nhà nước cho phép, ngoài ra không biết gì.

Đại diện Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Phước Sơn ông Phan Lựu khai: Diện tích rừng các bị cáo phát, đốt tại khoảnh 3, 4, 5 tiểu khu 689 thuộc xã Phước Kim huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam được quy hoạch là rừng phòng hộ do Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Phước Sơn quản lý, bảo vệ. Tổng diện tích theo thiết kế được phê duyệt trồng rừng thay thế là 20ha và cháy lan ngoài diện tích được phê duyệt 9.770m²; tổng diện tích rừng phòng hộ bị cháy 164.500m². Trong đó có 133.900m² nằm trong thiết kế thì đơn vị thi công được phát để trồng cây 111.584m² và không được phát 22.316m². Theo thiết kế được phê duyệt trồng rừng thay thế là phát theo băng, băng chặt 5m, băng chừa 1m và không được phát trắng toàn bộ diện

tích được giao và không được đốt. Tổng diện tích rừng phòng hộ bị thiệt hại do không thực hiện đúng thiết kế đã phê duyệt theo dự án 42.546m^2 và 9.770m^2 nằm ngoài thiết kế; thiệt hại về lâm sản 2.465 cây (trong đó có 89 cây nằm ngoài thiết kế) có khối lượng $245,575\text{m}^3$ (trong đó có $8,815\text{m}^3$ nằm ngoài thiết kế) gỗ tròn các loại. Yêu cầu các bị cáo NGUYỄN QUỐC TR và Dương Văn Nam phải bồi thường thiệt hại về lâm sản cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Phước Sơn theo quy định của pháp luật. Không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại về môi trường, vì các bị cáo đốt thực bì và cháy lan ra ngoài diện tích được phê duyệt xảy ra trong tháng 5/2021; còn quyết định số 02 ngày 12/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam quy định về khung giá rừng có hiệu lực từ ngày 25/01/2022.

Luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, biên bản khám nghiệm hiện trường, xác định loại rừng, xác định thiệt hại về gỗ; lời khai nhận tội của các bị cáo NGUYỄN QUỐC TR và DƯƠNG VĂN N tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa thì thấy: Theo Quyết định số 186/QĐ-UBND ngày 19/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam phê duyệt trồng rừng thay thế do Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Phước Sơn thực hiện tại khoảnh 3, 4, 5 tiểu khu 689 thuộc xã Phước Kim, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam quy định phương pháp xử lý thực bì là phát theo băng, băng chặt 5m, băng chừa 1m, chừa lại toàn bộ cây gỗ tái sinh, không được phát trắng và đốt. Nhưng bị cáo NGUYỄN QUỐC TR đã chỉ đạo bị cáo DƯƠNG VĂN N thuê nhân công cho phát trắng diện tích rừng được giao, phải làm ranh cản lửa để khi đốt đảm bảo an toàn không cháy lan và chỉ đạo bị cáo DƯƠNG VĂN N đốt thực bì diện tích đã phát. Quá trình đốt đã cháy toàn bộ diện tích rừng được giao và cháy lan ra ngoài diện tích được phê duyệt là 9.770m^2 rừng phòng hộ. Xét thấy bị cáo NGUYỄN QUỐC TR không thực hiện đúng theo phương án phê duyệt trồng rừng thay thế nên dẫn đến cháy diện tích rừng phòng hộ 164.500m^2 và thiệt hại về lâm sản $245,575\text{m}^3$ gỗ tròn các loại theo định giá 479.026.000 đồng. Trong diện tích rừng phòng hộ bị cháy 164.500m^2 , trong đó nằm trong thiết kế 133.900m^2 thì đơn vị thi công được phát để trồng rừng 111.584m^2 và không được phát 22.316m^2 . Như vậy, bị cáo NGUYỄN QUỐC TR phải chịu trách nhiệm hình sự đối với diện tích 52.316m^2 rừng phòng hộ bị cháy (trong đó 42.536m^2 nằm trong thiết kế và 9.770m^2 cháy lan ngoài thiết kế) và $245,575\text{m}^3$ gỗ tròn các loại (trong đó nằm trong thiết kế $236,760\text{m}^3$ và $8,815\text{m}^3$ nằm ngoài thiết kế). Đối với bị cáo DƯƠNG VĂN N không phải chịu trách nhiệm hình sự cùng với bị cáo NGUYỄN QUỐC TR đối với diện tích 42.536m^2 rừng phòng hộ bị cháy nằm trong thiết kế và $236,760\text{m}^2$ gỗ tròn nằm trong thiết kế. Nhưng bị cáo DƯƠNG VĂN N cùng phải chịu trách nhiệm hình sự với bị cáo NGUYỄN QUỐC TR đối với diện tích rừng phòng hộ bị cháy lan ngoài thiết kế 9.770m^2 và $8,815\text{m}^3$ gỗ tròn các loại. Xét thấy hành vi phát, đốt diện tích rừng được giao trồng rừng thay thế không đúng phương án đã phê duyệt dẫn đến thiệt hại diện tích rừng và lâm sản của bị cáo NGUYỄN QUỐC TR đã phạm vào tội “Hủy hoại rừng” theo điểm c khoản 3 Điều

243 Bộ luật hình sự và bị cáo DUƠNG VĂN N đã phạm vào tội “Hủy hoại rừng” theo điểm e khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét nhân thân: Bị cáo NGUYỄN QUỐC TR chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải; gia đình và bị cáo là người có công với cách mạng, nhân thân tốt; bị cáo đã nộp bồi thường xong thiệt hại về lâm sản nên được xem là tình tiết giảm nhẹ; không có tình tiết tăng nặng. Đối với bị cáo DUƠNG VĂN N chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa đã khai báo thành khẩn, biết ăn năn hối cải, gia đình có công với cách mạng, nhân thân tốt; bị cáo đã nộp bồi thường xong thiệt hại về lâm sản nên được xem là tình tiết giảm nhẹ; không có tình tiết tăng nặng.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 243; điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo NGUYỄN QUỐC TR: **3 (ba) năm tù** nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách.

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo DUƠNG VĂN N từ: **12 - 18** tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách.

Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 587, 589 Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc các bị cáo NGUYỄN QUỐC TR và DUƠNG VĂN N phải bồi thường thiệt hại về lâm sản cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Phước Sơn với số tiền 479.026.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền các bị cáo đã nộp bồi thường 479.026.000 đồng (đã nộp bồi thường xong).

Đối với thiệt hại về môi trường thì hành vi phạm tội của các bị cáo NGUYỄN QUỐC TR và DUƠNG VĂN N thực hiện trước khi có quyết định số 02 ngày 12/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam quy định về khung giá rừng có hiệu lực ngày 25/01/2022, theo hướng có lợi nên các bị cáo không phải bồi thường thiệt hại về môi trường nên không đề cập.

Xử lý vật chứng: Đối với 245,575m³ gỗ tròn các loại từ nhóm I-VIII do bị cháy, mục không tận thu được nên không đề cập.

Đối với bà Trần Thị Tích Đ là giám đốc công ty TNHH TM&DV Đức Chính đơn vị tư vấn giám sát đơn vị thi công trồng rừng thay thế được tách thành hành vi khác nên không đề cập trong vụ án này. Đối với những người phát, đốt thuê là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật hạn chế, mục đích làm thuê lấy tiền công nên không đề cập đến việc xử lý.

Các bị cáo NGUYỄN QUỐC TR và DUƠNG VĂN N không tranh luận, nhận tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận gì.

Đại diện của nguyên đơn dân sự Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Phước Sơn không tranh luận, yêu cầu bị cáo NGUYỄN QUỐC TR và DƯƠNG VĂN N bồi thường thiệt hại về lâm sản theo định, không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại về môi trường và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, của điều tra viên; của Viện kiểm sát, của kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo NGUYỄN QUỐC TR và DƯƠNG VĂN N không có ý kiến hoặc khiếu nại. Nên các hành vi và quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo: Bị cáo NGUYỄN QUỐC TR biết và nhận thức được hành vi của mình là khi nhận thực hiện diện tích 20ha để trồng rừng thay thế được phê duyệt thì theo quy định là phát băng, băng chặt 5m, băng chừa 1m và không được chặt hạ các cây tái sinh trên diện tích được giao và không được phát trắng, không đốt thực bì. Nhưng trong quá trình thực hiện dự án trồng rừng thay thế đã được phê duyệt thì bị cáo NGUYỄN QUỐC TR đã phân công bị cáo DƯƠNG VĂN N làm chỉ huy trưởng công trình, chỉ đạo thuê nhân công cho phát trắng, chặt cây và đốt toàn bộ diện tích rừng được giao là không đúng quy định và quá trình đốt có thể cháy lan nhưng vẫn thực hiện. Quá trình đốt đã cháy diện tích rừng được giao và cháy lan ra ngoài diện tích được phê duyệt; cụ thể tổng diện tích rừng bị cháy 164.500m², trong đó có 163.900m² là rừng phòng hộ và 600m² rừng ngoài quy hoạch đất lâm nghiệp; trong 163.900m² có 133.900m² nằm trong thiết kế thì đơn vị thi công được phát để trồng cây 111.584m², còn 22.316m² không được phát và trồng cây. Như vậy, bị cáo NGUYỄN QUỐC TR phải chịu trách nhiệm hình sự đối với diện tích rừng phòng hộ bị cháy 52.316m² (trong đó 42.546m² nằm trong thiết kế và 9.770m² phần cháy lan ra ngoài thiết kế) và gây thiệt hại về lâm sản 245,575m³ (trong đó 236,760m³ nằm trong diện tích thiết kế và 8,815m³ nằm ngoài diện tích thiết kế) gỗ tròn các loại. Bị cáo DƯƠNG VĂN N không phải chịu trách nhiệm hình sự với bị cáo NGUYỄN QUỐC TR về thiệt hại 42.546m² rừng phòng hộ và 236,760m³ gỗ tròn các loại. Nhưng bị cáo DƯƠNG VĂN N phải chịu trách nhiệm hình sự về diện tích rừng phòng hộ bị cháy lan ngoài thiết kế 9.770m² và 8,815m³ gỗ tròn các loại.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; biên bản khám nghiệm hiện trường; xác định diện tích rừng, xác định loại rừng; kết luận định giá tài sản; luận tội của Kiểm sát viên; lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với tài liệu,

chứng cứ được chứng minh có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ kết luận: Hành vi phát, đốt diện tích rừng được giao không đúng với phương án đã được phê duyệt gây thiệt hại về rừng và lâm sản tại khoảnh 3, 4, 5 tiểu khu 689 thuộc xã Phước Kim, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam của bị cáo NGUYỄN QUỐC TR đã cấu thành tội “Hủy hoại rừng” theo điểm c khoản 3 Điều 243 Bộ luật hình sự và hành vi của bị cáo DƯƠNG VĂN N đã cấu thành tội “Hủy hoại rừng” theo điểm e khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam đã truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội; tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Các bị cáo NGUYỄN QUỐC TR và DƯƠNG VĂN N là khi thực hiện dự án trồng rừng thay thế được phê duyệt không tuân thủ đúng quy định theo thiết kế; cụ thể là khi thực hiện dự án trồng rừng thay thế theo phương án đã được phê duyệt quy định phát băng, băng chặt 5m, băng chừa 1m, không được chặt các loại cây có mục đích tái sinh, không được phát trắng (phát sạch) và không được đốt. Thế nhưng các bị cáo không thực hiện đúng phương án thiết kế đã phê duyệt dẫn đến gây hậu quả cháy rừng phòng hộ và thiệt hại về lâm sản. Do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

Xét nhân thân: Bị cáo NGUYỄN QUỐC TR phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự; tại phiên tòa đã khai báo thành khẩn, biết ăn năn hối cải; gia đình và bị cáo là người có công với cách mạng, bị cáo đã nộp bồi thường xong thiệt hại về lâm sản với số tiền 479.026.000 đồng nên được xem là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo DƯƠNG VĂN N phạm tội lần đầu, chưa có tiền án tiền án, tiền sự; tại phiên tòa đã khai báo thành khẩn, biết ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình khó khăn; gia đình có công với cách mạng, bị cáo đã nộp bồi thường xong thiệt hại về lâm sản nên được xem là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; không có tình tiết tăng nặng.

Xét thấy các bị cáo NGUYỄN QUỐC TR và DƯƠNG VĂN N có nhân thân tốt, nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên không nhất thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội mà cho các bị cáo được cải tạo, giáo dục tại địa phương nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước và xét thấy đủ điều kiện căn cứ khoản 1 Điều 54 và Điều 65 Bộ luật hình sự để xem xét khi quyết định hình phạt.

[4] Đối với bà Trần Thị Tích Đ là giám đốc Công ty Đức Chính là đơn vị tư vấn giám sát, Cơ quan điều tra tách thành hành vi khác nên không đề cập trong vụ án này. Đối với những người phát thuê là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật hạn chế, mục đích phát thuê lấy tiền công nên không đề cập.

[5] Trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 587, 589 Bộ luật dân sự, tuyên buộc các bị cáo NGUYỄN QUỐC TR và DƯƠNG VĂN N phải bồi thường thiệt hại về lâm sản cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Phước Sơn với số tiền 479.026.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền các bị cáo đã nộp bồi thường với số tiền 479.026.000 đồng (đã bồi thường xong).

Tuyên giao cho Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Phước Sơn với số tiền 479.026.000 đồng là số tiền các bị cáo bồi thường thiệt hại về lâm sản.

Đối với thiệt hại về môi trường, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Phước Sơn không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không xem xét.

[6] Xử lý vật chứng: Đối với 245,575m³ gỗ tròn các loại từ nhóm I-VIII do bị cháy, mục không tận thu được nên không đề cập.

[7] Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc mỗi bị cáo NGUYỄN QUỐC TR và DƯƠNG VĂN N phải chịu 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo NGUYỄN QUỐC TR và DƯƠNG VĂN N phạm tội “Hủy hoại rừng”.

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 243; điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo:

NGUYỄN QUỐC TR: **3** (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách **5** (năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (30/9/2022).

Tuyên giao bị cáo NGUYỄN QUỐC TR cho Ủy ban nhân dân phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Nếu trường hợp bị cáo NGUYỄN QUỐC TR đi khỏi nơi cư trú hoặc thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo:

DƯƠNG VĂN N: **1** (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách **2** (hai) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (30/9/2022).

Tuyên giao bị cáo DƯƠNG VĂN N cho Ủy ban nhân dân xã Đại Phong, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời

gian thử thách. Nếu trường hợp bị cáo DUƠNG VĂN N đi khỏi nơi cư trú hoặc thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 587, 589 Bộ luật dân sự, tuyên buộc các bị cáo NGUYỄN QUỐC TR và DUƠNG VĂN N phải bồi thường thiệt hại về lâm sản cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam với số tiền 479.026.000 đồng (*bốn trăm bảy mươi chín triệu, không trăm hai mươi sáu ngàn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền các bị cáo đã nộp bồi thường 479.026.000 đồng (*bốn trăm bảy mươi chín triệu, không trăm hai mươi sáu ngàn đồng*) (*đã nộp bồi thường xong*).

Tuyên giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam với số tiền 479.026.000 đồng (*bốn trăm bảy mươi chín triệu, không trăm hai mươi sáu ngàn đồng*). Trong đó 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*) đang tạm gửi tại tài khoản số 4213203000010 của Công an huyện Phước Sơn tại Kho bạc Nhà nước huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam và 377.026.000 đồng (*ba trăm bảy mươi bảy triệu, không trăm hai mươi sáu ngàn đồng*) nộp tại biên lai thu tiền số 0006793 lập ngày 15/9/2022 và 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*) nộp tại biên lai thu tiền số 0006787 lập ngày 9/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án tuyên buộc mỗi bị cáo NGUYỄN QUỐC TR và DUƠNG VĂN N phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm ngàn đồng*).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm các bị cáo; nguyên đơn dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm. Riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Tòa án tỉnh Q.Nam;
- VKS tỉnh Q.Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Q.Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Pơ Loong Đếch

